

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 3 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Toàn.

2. Bà Hoàng Thị Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1966; cư trú tại: S21, đường 19/8, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lý Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: S21, đường 19/8, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Đoàn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lý Văn H sau thời gian tìm hiểu, yêu thương tự nguyện đã được hai bên tổ chức cho đám cưới và sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Hữu L, tỉnh Lạng Sơn vào năm 1990. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc, từ năm 2015 đến tháng 8/2023 ông Lý Văn H đi tù về tội Cố ý gây thương tích, bà vẫn đứng ra lo liệu giải quyết xong phần bồi thường cho ông, hàng năm bà vẫn thăm nom, tiếp tế đầy đủ cho ông. Nhưng sau khi ra tù, ông H không chịu thay đổi, tu chí làm ăn mà suốt ngày gây sự, đánh đập bà, nhiều lần bà đã phải báo chính quyền địa phương, công an thị trấn nhưng do ông bà đang là vợ chồng nên chưa được giải quyết. Hiện nay, bà và con trai đã phải bỏ nhà đi ra thuê trọ, không dám sống cùng nhà với ông H để đảm bảo an toàn cho bản thân, hàng ngày bà vẫn phải nuôi cơm ông H ngày 3 bữa do ông không đi làm, không có thu nhập. Ông H sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc bà xin được ly hôn đã thường xuyên cầm xích sắt đến chỗ bà bán hàng ở chợ để gây sự, dọa đánh, giết, làm ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý, công việc của bà. Nay bà N xác định không thể tiếp tục chung sống được cùng ông H, bà xin được ly hôn với ông.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Đoàn Thị N và ông Lý Văn H có 01 con chung là Lý Văn Q, sinh ngày 13/5/1992, hiện nay con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà có 01 ngôi nhà cấp 4, xây trên diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên con trai là Lý Văn Q, hiện nay bà và anh Q đều ra thuê trọ, để lại nhà cho ông H được sử dụng. Do đó, ông bà sẽ tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lý Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị N sau thời gian tìm hiểu, yêu thương tự nguyện đã được hai bên tổ chức cho đám cưới và sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào năm 1990. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 do ông phải đi chấp hành án nên bà N đã thay đổi tình cảm, coi thường ông nên giữa ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông có nóng giận có chửi bới bà N. Trong thời gian đi chấp hành án, bà N tự ý bỏ đi thuê trọ, lấy hết đồ đạc, tài sản có giá trị đi, ông đã nhiều lần yêu cầu hai mẹ con bà N về nhưng bà không nhất trí nên ông và bà N đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay bà N xin ly hôn với ông, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không lớn, hàng ngày bà N vẫn chăm sóc, cơm nước cho ông nên ông mong vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc nhau khi về già.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Đoàn Thị N có 01 con chung là Lý Văn Q, sinh ngày 13/5/1992, hiện nay con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật; việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Đoàn Thị N về việc ly hôn với ông Lý Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lý Văn Q, sinh ngày 13/5/1992, đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Đoàn Thị N và ông Lý Văn H, bà N vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do. Việc vắng mặt của bà N, ông H không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Đoàn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Lý Văn H hiện cư trú tại s21, đường 19/8, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 1990, bà Đoàn Thị N và ông Lý Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ông bà có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2015 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Bà N trình bày nguyên nhân mâu

thuần do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, có nhiều lời lẽ không tôn trọng nhau, ông H thường xuyên đe dọa đánh đập, chửi bới, đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà nên bà và con trai đã chuyển ra ngoài, thuê trọ sống nhưng ông H vẫn tìm đến chợ chỗ bà bán hàng để chửi bới, đe dọa, ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý của bà. Theo ông H trình bày, do ông phải đi chấp hành án nên bà N đã thay đổi tình cảm, coi thường ông nên giữa ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông có nóng vội đã chửi mắng bà, khi ông đi chấp hành án bà N đã tự ý đi thuê trọ đem hết tài sản có giá trị đi nên vợ chồng ông bà mới sống ly thân. Toà án đã tiến hành xác minh tại Công an thị trấn H có việc bà N báo Công an về việc ông H có lời nói xúc phạm, gây mâu thuẫn, xích mích và đến khu vực bà bán hàng để mắng chửi bà, hiện Công an thị trấn đang xác minh sự việc theo quy định. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa bà N với ông H không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H mặc dù muốn vợ chồng đoàn tụ, chung sống nhưng ông không có biện pháp hoá giải mâu thuẫn, hiện bà N và ông H đã sống ly thân. Do đó, xử cho bà N được ly hôn với ông H là có căn cứ. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị N, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Đoàn Thị N và ông Lý Văn H có 01 con chung là Lý Văn Q, sinh ngày 13/5/1992, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Đoàn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị N, ông Lý Văn H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị N
- Xử cho nguyên đơn bà Đoàn Thị N được ly hôn với bị đơn ông Lý Văn H.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Lý Văn Q, sinh ngày 13/5/1992 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đoàn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bà Nguyệt đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004578, ngày 15 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết